

Ngày 31/12/2024	24,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.5%	2.8%	18.8%

2024	
ROE	18.1%
	+/- YoY ▼ 6.6%

Q4/24	
DT thuần	68.1
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 8.90 ▼ 11.5%
	YoY ▲ 1.20 ▲ 1.9%

2024	
DT thuần	285
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 12.0 ▲ 4.5%

Q4/24	
LN gộp	21.6
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 5.70 ▼ 20.8%
	YoY ▼ 4.00 ▼ 15.6%

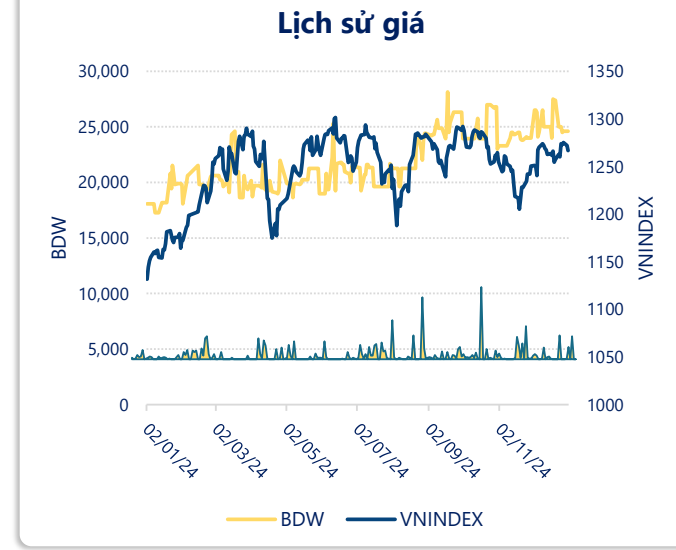
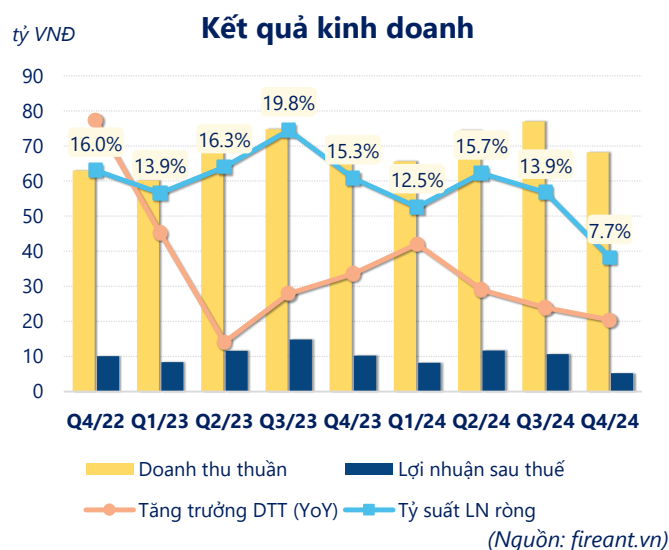
2024	
LN gộp	101
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 8.00 ▼ 7.4%

Q4/24	
LN thuần	6.02
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 6.78 ▼ 53.0%
	YoY ▼ 6.18 ▼ 50.6%

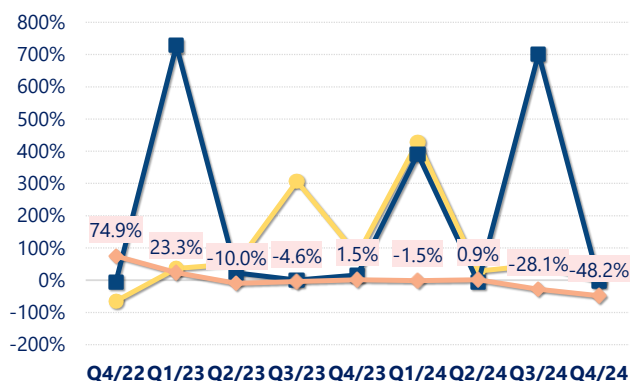
2024	
LN thuần	41.5
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 12.6 ▼ 23.2%

Q4/24	
LN sau thuế	5.26
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 5.44 ▼ 50.9%
	YoY ▼ 4.94 ▼ 48.5%

2024	
LN sau thuế	35.9
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 9.10 ▼ 20.2%



Tăng trưởng lợi nhuận

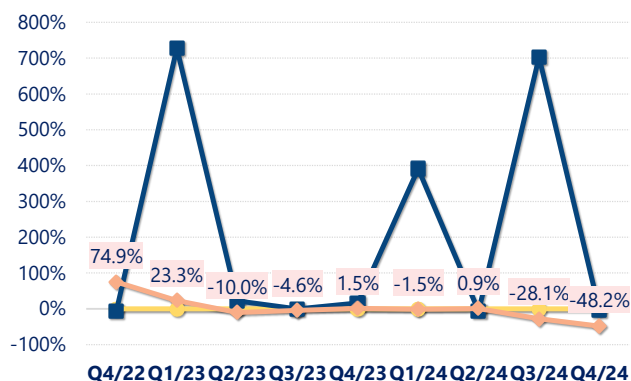


Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

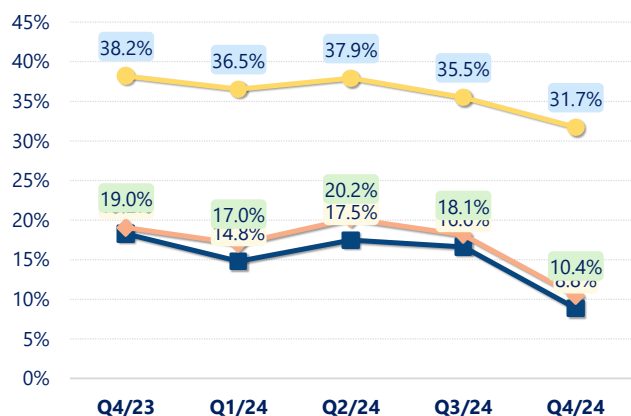


Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

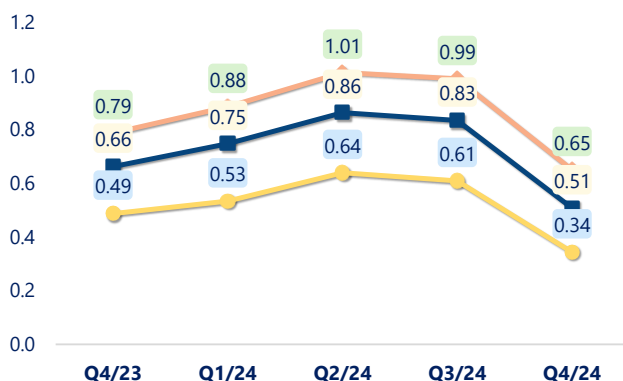


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

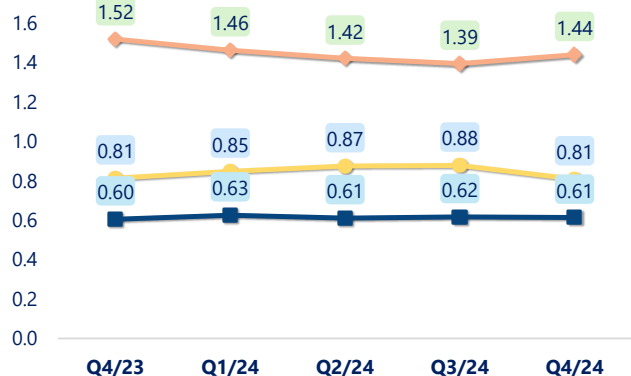


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

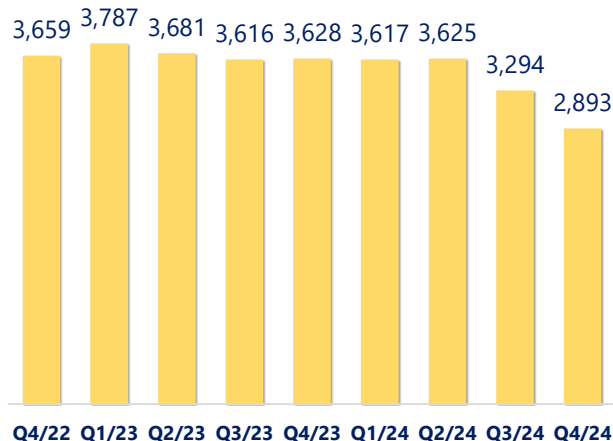


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	68.1	66.9	1.9%	285	273	4.5%
Giá vốn hàng bán	46.5	41.4	12.4%	184	164	12.3%
Lợi nhuận gộp	21.6	25.6	-15.6%	101	109	-7.4%
Doanh thu HĐTC	0.18	0.36	-50.0%	0.88	1.63	-46.1%
Chi phí TC	0.52	-0.07	846%	2.28	2.95	-22.6%
Chi phí lãi vay	0.52	-0.07	846%	2.28	2.95	-22.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	9.42	7.77	21.2%	35.6	30.8	15.7%
Chi phí QLDN	5.83	6.00	-2.9%	22.5	22.9	-1.7%
LN thuần từ HĐKD	6.02	12.2	-50.6%	41.5	54.1	-23.2%
Lợi nhuận khác	0.58	0.61	-5.5%	3.44	2.31	49.4%
LN trước thuế	6.60	12.8	-48.4%	45.0	56.4	-20.3%
Lợi nhuận sau thuế	5.26	10.2	-48.5%	35.9	45.0	-20.2%
LNST của CĐ cty mẹ	5.26	10.2	-48.5%	35.9	45.0	-20.2%

(Nguồn: fireant.vn)

